



Yếu tố liên quan đến kiến thức chăm sóc giảm nhẹ của sinh viên điều dưỡng tại Trường Đại học Nguyễn Tất Thành năm 2025

Nguyễn Ngọc Doan Trang¹, Lê Thị Kim Phụng¹, Võ Minh Tiến¹,
Nguyễn Hoàng Bảo Nhân¹, Lê Thị Quế Phương¹
¹Trường Đại học Nguyễn Tất Thành

TÓM TẮT

Mục tiêu: Xác định mức độ kiến thức về chăm sóc giảm nhẹ của sinh viên điều dưỡng và tìm hiểu một số yếu tố liên quan. **Phương pháp:** Nghiên cứu cắt ngang mô tả trên 380 sinh viên điều dưỡng năm 3 và năm 4 tại Trường Đại học Nguyễn Tất Thành năm 2025. Công cụ thu thập số liệu gồm bảng câu hỏi đặc điểm cá nhân và thang đo kiến thức chăm sóc giảm nhẹ. Dữ liệu được phân tích bằng thống kê mô tả và kiểm định *t*-test, ANOVA với mức ý nghĩa $p < 0,05$. **Kết quả:** Điểm trung bình về kiến thức chăm sóc giảm nhẹ của sinh viên điều dưỡng là $9,08 \pm 2,48$, trong đó 57,1% sinh viên có mức kiến thức kém, 41,6% mức trung bình và 1,3% mức tốt. Học lực có mối liên quan đến mức độ kiến thức ($p < 0,05$), trong đó sinh viên có học lực xuất sắc đạt điểm cao hơn các nhóm còn lại. **Kết luận:** Kiến thức về chăm sóc giảm nhẹ của sinh viên điều dưỡng còn hạn chế và chưa đồng đều. Học lực là yếu tố có liên quan đến mức độ kiến thức. Cần tăng cường nội dung đào tạo chuyên sâu và đa dạng hóa phương pháp giảng dạy nhằm nâng cao năng lực chăm sóc giảm nhẹ cho sinh viên điều dưỡng.

Từ khóa: Chăm sóc giảm nhẹ, kiến thức, sinh viên điều dưỡng, yếu tố liên quan.

Factors associated with palliative care knowledge among nursing students at Nguyen Tat Thanh University in 2025

Nguyen Ngoc Doan Trang¹, Le Thi Kim Phung¹, Vo Minh Tien¹,
Nguyen Hoang Bao Nhan¹, Le Thi Que Phuong¹
¹Nguyen Tat Thanh University

ABSTRACT

Objectives: To assess the level of palliative care knowledge among nursing students; To explore factors associated with their knowledge. **Methods:** A cross-sectional analytical study was conducted among 380 third- and fourth-year nursing students at Nguyen Tat Thanh University in 2025. Data were collected using a structured questionnaire including demographic characteristics and a 20-item palliative care knowledge scale. Descriptive statistics, independent *t*-test, and ANOVA were performed with a significance level of $p < 0.05$. **Results:** The mean knowledge score was 9.08 ± 2.48 (out of 20). Among participants, 57.1% had poor knowledge, 41.6% had moderate knowledge, and only 1.3% had good knowledge. No statistically significant differences were found by academic year ($p = 0.410$) or gender ($p = 0.137$). Academic performance was significantly associated with knowledge level ($p = 0.016$), with excellent students achieving higher scores. **Conclusions:** Nursing students' knowledge of palliative care was generally insufficient and uneven. Academic performance was associated with knowledge level. Strengthening palliative care education and applying diverse teaching strategies are recommended to improve students' competencies in this field.

Keywords: Palliative care, knowledge, nursing students, associated factors.

ĐẶT VẤN ĐỀ

Chăm sóc giảm nhẹ (CSGN) ngày càng giữ vai trò quan trọng trong bối cảnh gia tăng các bệnh không lây nhiễm và tình trạng già hóa dân số. Các bệnh không lây nhiễm hiện là nguyên nhân hàng đầu gây tử vong toàn cầu, đòi hỏi chiến lược quản lý lâu dài và chăm sóc toàn diện, bao gồm cả chăm sóc giảm nhẹ nhằm cải thiện chất lượng cuộc sống cho người bệnh¹. Trước nhu cầu thực tiễn đó, việc tích hợp CSGN vào hệ thống y tế và đào tạo nguồn nhân lực y tế có đủ năng lực chuyên môn là yêu cầu cấp thiết. Tại Việt Nam, Bộ Y tế Việt Nam đã ban hành “Hướng dẫn chăm sóc giảm nhẹ” theo Quyết định số 183/QĐ-BYT năm 2022, tạo hành lang pháp lý và chuyên môn cho việc triển khai CSGN tại các cơ sở khám chữa bệnh². Tuy nhiên, hiệu quả thực hiện phụ thuộc đáng kể vào trình độ và kiến thức của đội ngũ nhân viên y tế, đặc biệt là điều dưỡng – lực lượng trực tiếp chăm sóc và đồng hành cùng người bệnh trong suốt quá trình điều trị.

Trên thế giới, nhiều nghiên cứu cho thấy kiến thức và thái độ của sinh viên điều dưỡng về CSGN còn chưa đồng đều. Nghiên cứu của Alwawi AA và cộng sự (2020) tại Đại học Al-Quds ghi nhận mức độ kiến thức của sinh viên điều dưỡng về chăm sóc cuối đời còn hạn chế và cần được tăng cường trong chương trình đào tạo¹. Tổng quan phạm vi của Durojaiye A và cộng sự cũng chỉ ra rằng việc chuẩn bị cho sinh viên điều dưỡng trong lĩnh vực CSGN còn nhiều khoảng trống, đặc biệt về kỹ năng giao tiếp và kiểm soát triệu chứng³. Tại Việt Nam, nghiên cứu của Trần Thị Quỳnh Vân và cộng sự cho thấy kiến thức về CSGN của sinh viên điều dưỡng năm cuối còn ở mức trung bình và chịu ảnh hưởng bởi một số yếu tố cá nhân⁴. Điều này cho thấy cần có thêm các nghiên cứu đánh

giá thực trạng kiến thức và các yếu tố liên quan tại từng cơ sở đào tạo, làm cơ sở đề xuất giải pháp nâng cao chất lượng giảng dạy và thực hành CSGN trong chương trình đào tạo điều dưỡng.

Trường Đại học Nguyễn Tất Thành là một trong những cơ sở đào tạo điều dưỡng tại Thành phố Hồ Chí Minh, với định hướng tăng cường đào tạo thực hành và đáp ứng nhu cầu chăm sóc sức khỏe toàn diện. Tuy nhiên, hiện nay chưa có nhiều nghiên cứu đánh giá một cách hệ thống về mức độ kiến thức CSGN cũng như các yếu tố liên quan ở sinh viên điều dưỡng của trường. Việc khảo sát thực trạng và phân tích các yếu tố liên quan sẽ cung cấp cơ sở khoa học cho việc điều chỉnh, hoàn thiện chương trình đào tạo, góp phần nâng cao năng lực chăm sóc giảm nhẹ cho sinh viên điều dưỡng trong tương lai. Xuất phát từ thực tiễn trên, chúng tôi thực hiện đề tài: “*Khảo sát các yếu tố liên quan đến kiến thức về chăm sóc giảm nhẹ của sinh viên điều dưỡng tại Trường Đại học Nguyễn Tất Thành năm 2025*” với mục tiêu: *Xác định mức độ kiến thức về chăm sóc giảm nhẹ của sinh viên điều dưỡng và tìm hiểu một số yếu tố liên quan.*

ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Đối tượng nghiên cứu

Tiêu chuẩn lựa chọn: Sinh viên Điều dưỡng năm 3, 4 trường Đại học Nguyễn Tất Thành. Các sinh viên đã và đang thực hành lâm sàng tại bệnh viện. Đồng ý tham gia trả lời bảng câu hỏi.

Tiêu chuẩn loại trừ: Sinh viên đang bảo lưu trong thời gian nghiên cứu. Sinh viên đã nghỉ học. Sinh viên không trả lời đầy đủ bảng câu hỏi.

Thời gian và địa điểm nghiên cứu: Nghiên cứu được thực hiện từ tháng 6/2025

đến tháng 9/2025 tại Trường Đại học Nguyễn Tất Thành.

Phương pháp nghiên cứu: nghiên cứu mô tả cắt ngang.

Cỡ mẫu: Áp dụng công thức:

$$n = Z_{(1-\alpha/2)}^2 \frac{p(1-p)}{d^2}$$

Với mức độ tin cậy 95% (tương ứng với $Z = 1,96$), sai số chấp nhận được là 0,05 và tỷ lệ ước tính từ nghiên cứu của Trần Trịnh Quốc Việt ⁵ là $p = 0,6688$.

Cỡ mẫu ước tính tối thiểu là 340 người tham gia. Để dự phòng cho khả năng không phản hồi hoặc bảng hỏi không hợp lệ, nghiên cứu cộng thêm 10%.

Cỡ mẫu nghiên cứu tính được là $340 + 340 * 0,1 = 374$ sinh viên.

Trong quá trình thu thập dữ liệu, nghiên cứu viên tiếp cận và thu được 380 phiếu khảo sát hợp lệ. Do đó, cỡ mẫu thực tế trong nghiên cứu là 380 sinh viên.

Bộ công cụ nghiên cứu:

Nghiên cứu sử dụng bộ câu hỏi PCQN (Palliative Care Quiz for Nursing) phiên bản tiếng Việt của tác giả Trần Trịnh Quốc Việt ⁵ trên sinh viên điều dưỡng tại Việt Nam với hệ số Cronbach's alpha = 0,93.

Trước khi triển khai chính thức nghiên cứu bộ câu hỏi đã được thử nghiệm trên 30 sinh viên điều dưỡng có đặc điểm tương đồng với mẫu nghiên cứu nhưng không tham gia thu thập dữ liệu chính thức với hệ số Cronbach's alpha đạt 0,81.

Bộ câu hỏi gồm 2 phần:

Phần 1: Thông tin chung của đối tượng nghiên cứu bao gồm 5 câu hỏi: Năm học, giới tính, xếp loại học tập tích lũy, kinh nghiệm chăm sóc bệnh nhân cuối đời trên

lâm sàng, kinh nghiệm chăm sóc người thân/ người quen trong giai đoạn cuối đời.

Phần 2: Khảo sát kiến thức được nhận định bằng bộ câu hỏi gồm 20 câu đúng/sai, được chia thành ba lĩnh vực: Triết học và nguyên tắc của CSGN (4 câu), Quản lý đau và các triệu chứng khác (13 câu), và Các khía cạnh tâm lý – xã hội của chăm sóc (3 câu). Mỗi câu hỏi đều có 3 lựa chọn trả lời là “Đúng”, “Sai”, “Không biết”. Mỗi câu trả lời đúng được chấm 1 điểm, trong khi câu trả lời sai hoặc “không biết” được tính 0 điểm. Tổng điểm tối đa là 20 và được phân loại thành 3 mức: Kiến thức kém: dưới 50% số câu đúng (dưới 10 điểm); Kiến thức trung bình: từ 50% đến dưới 75% số câu đúng (từ 10 đến dưới 15 điểm); Kiến thức tốt: từ 75% trở lên (15 điểm trở lên).

Phương pháp phân tích số liệu:

Trong nghiên cứu này, phần mềm Jamovi 2.6.44 đã được sử dụng để xử lý và phân tích dữ liệu thu thập được. Bên cạnh việc mô tả số liệu, nghiên cứu còn phân tích mối liên hệ giữa mức độ kiến thức và các yếu tố cá nhân như năm học, giới tính, kết quả học tập tích lũy, kinh nghiệm chăm sóc bệnh nhân cuối đời và kinh nghiệm chăm sóc người thân cuối đời. Các phép kiểm định: Independent T- test và One- Way ANOVA được sử dụng để xác định sự khác biệt hoặc mối liên quan có ý nghĩa thống kê giữa các nhóm.

Đạo đức nghiên cứu: Đề cương nghiên cứu đã được Hội đồng Đạo đức trong nghiên cứu y sinh học của Trường Đại học Nguyễn Tất Thành theo quyết định số 55/GCN-NTT ngày 29/9/2025. Đối tượng nghiên cứu có quyền từ chối hoặc rút lui bất kỳ lúc nào mà không cần lý do, cũng như đảm bảo rằng việc không tham gia sẽ không ảnh hưởng đến quyền lợi học tập hoặc các mối quan hệ trong nhà trường. Thông tin cá nhân của người tham gia được giữ tuyệt đối bảo mật.

KẾT QUẢ

Bảng 1. Đặc điểm nhân khẩu học của các đối tượng sinh viên tham gia nghiên cứu (n = 380)

	Nội dung	n	%
Năm học	Năm 3	190	50
	Năm 4	190	50
Giới tính	Nam	75	19,73
	Nữ	305	80,27
Học lực	Xuất sắc	10	2,63
	Giỏi	56	14,74
	Khá	299	78,68
	Trung bình	15	3,95
Kinh nghiệm chăm sóc bệnh nhân cuối đời	Có	264	69,47
	Không	116	30,53

Bảng 1 cho thấy mẫu nghiên cứu gồm 380 sinh viên điều dưỡng, số lượng mẫu được phân bố đồng đều giữa năm 3 (K22) và năm 4 (K21) (mỗi nhóm có 190 sinh viên). Nữ sinh chiếm đa số với 305 sinh viên (80,27%). Về học lực, phần lớn sinh viên đạt mức khá (78,7%). Nhìn chung, 264 sinh viên (69,47%) có kinh nghiệm chăm sóc bệnh nhân cuối đời trên lâm sàng và có khoảng 1/3 sinh viên (33,68%) có kinh nghiệm chăm sóc người thân trong giai đoạn cuối đời.

Bảng 2. Kiến thức về chăm sóc giảm nhẹ của sinh viên điều dưỡng (n = 380)

Nội dung	Điểm PCQN
Điểm trung bình (Mean ± SD)	9,08 ± 2,48
Trung vị (Median)	9,00
Khoảng giá trị (Min – Max)	1 – 17
Kiểm định phân phối chuẩn (Shapiro–Wilk)	p = 0,087

Qua khảo sát bộ câu hỏi gồm 20 mục đánh giá kiến thức về chăm sóc giảm nhẹ, điểm số trung bình của sinh viên đạt $9,08 \pm 2,48$ điểm, với trung vị là 9,00 điểm và điểm số dao động trong khoảng từ 1 đến 17 điểm, cho thấy sự phân tán điểm số tương đối rộng giữa các cá thể.

Kết quả kiểm định Shapiro-Wilk cho thấy biến điểm kiến thức có phân phối gần chuẩn ($p = 0,087 > 0,05$). Do đó, nghiên cứu sử dụng các kiểm định tham số như Independent t-test và ANOVA một yếu tố để phân tích sự khác biệt giữa các nhóm.

Bảng 3. Phân bố mức độ kiến thức về CSGN của sinh viên điều dưỡng (n = 380)

Mức độ kiến thức	n	%
Tốt (≥ 15 điểm)	5	1,3
Trung bình (≥ 10 điểm)	158	41,6
Kém (< 10 điểm)	217	57,1

Chỉ có 1,3% sinh viên có mức kiến thức tốt, trong khi phần còn lại ở mức trung bình (41,6%) và kém (57,1%).

Bảng 4. Sự ảnh hưởng của các đặc điểm cá nhân đến mức độ kiến thức (n = 380)

Yếu tố	Nhóm	n	Mean \pm SD	Test
Năm học	Năm 3	190	8,98 \pm 2,47	t = -0,806
	Năm 4	190	9,19 \pm 2,50	
Giới tính	Nam	75	9,47 \pm 2,65	t = -1,49
	Nữ	305	8,99 \pm 2,44	
Học lực	Xuất sắc	10	10,40 \pm 1,26	F = 4,05
	Giỏi	56	8,77 \pm 2,38	
	Khá	299	9,14 \pm 2,50	
	Trung bình	15	8,20 \pm 2,93	

Dựa vào giá trị p cho thấy yếu tố năm học và giới tính đều có p lớn hơn 0,05 (lần lượt là 0,410 và 0,137), điều này cho thấy hai yếu tố này không có ảnh hưởng đáng kể đến điểm kiến thức về chăm sóc giảm nhẹ của sinh viên điều dưỡng.

Ngược lại, yếu tố học lực có ảnh hưởng có ý nghĩa thống kê đến điểm kiến thức ($p = 0,016$). Trong đó, sinh viên có học lực xuất sắc đạt điểm kiến thức trung bình cao nhất ($10,40 \pm 1,26$), trong khi nhóm sinh viên có học lực trung bình có điểm thấp nhất ($8,20 \pm 2,93$).

Sau khi phân tích ANOVA cho thấy sự khác biệt chung giữa các nhóm học lực, nghiên cứu đã tiến hành phân tích hậu kiểm (post-hoc Tukey) nhằm xác định sự khác biệt cụ thể giữa từng cặp nhóm.

Bảng 5. Kết quả phân tích hậu kiểm Tukey về sự khác biệt điểm kiến thức giữa các nhóm học lực (n = 380)

So sánh cặp nhóm	Chênh lệch Mean	p
Xuất sắc -Giỏi	1,63	0,028
Xuất sắc - Khá	1,26	0,061
Xuất sắc - Trung bình	2,20	0,014
Khá -Trung bình	0,94	0,087
Giỏi -Khá	-0,37	0,522
Giỏi - Trung bình	0,57	0,341

Kết quả phân tích hậu kiểm bằng phương pháp Tukey cho thấy nhóm sinh viên có học lực xuất sắc có điểm kiến thức về chăm sóc giảm nhẹ cao hơn có ý nghĩa thống kê so với nhóm học lực giỏi và nhóm học lực trung bình ($p < 0,05$).

Trong khi đó, không ghi nhận sự khác biệt có ý nghĩa thống kê giữa nhóm học lực khá với các nhóm còn lại ($p > 0,05$).

Kết quả này cho thấy sự khác biệt về điểm kiến thức chủ yếu tập trung giữa nhóm sinh viên có học lực cao nhất và các nhóm có học lực thấp hơn, đồng thời cho thấy mức độ kiến thức không tăng tuyến tính hoàn toàn theo phân loại học lực.

Bảng 6. Sự ảnh hưởng của các yếu tố kinh nghiệm đến mức độ kiến thức (n = 380)

Yếu tố	Nhóm	n	Trung bình ± Độ lệch chuẩn	t	p
Kinh nghiệm chăm sóc bệnh nhân cuối đời	Có	264	9,33 ± 2,48	-2,98	0,003
	Không	116	8,52 ± 2,40		
Kinh nghiệm chăm sóc người thân cuối đời	Có	128	9,69 ± 2,43	-3,42	<0,001
	Không	252	8,78 ± 2,46		

Giá trị p ở 2 yếu tố lần lượt là 0,003 và <0,001 đã nhấn mạnh sự ảnh hưởng của kinh nghiệm chăm sóc trên thực tế đến mức độ kiến thức về CSGN của sinh viên. Cụ thể, nhóm sinh viên từng chăm sóc bệnh nhân cuối đời có điểm kiến thức cao hơn ($9,33 \pm 2,48$) so với nhóm chưa từng ($8,52 \pm 2,40$; $p = 0,003$). Tương tự, nhóm từng chăm sóc người thân trong giai đoạn cuối đời cũng đạt điểm số cao hơn ($9,69 \pm 2,43$) so với nhóm chưa từng ($8,78 \pm 2,46$; $p < 0,001$).

BÀN LUẬN

Kết quả nghiên cứu cho thấy điểm kiến thức trung bình của sinh viên điều dưỡng là $9,08 \pm 2,48$ (trên 20 điểm), trung vị 9,00 và dao động từ 1 đến 17 điểm. Điều này phản ánh mức độ kiến thức chung còn thấp và có sự phân tán đáng kể giữa các sinh viên, cho thấy tính không đồng đều trong nhận thức về CSGN. Kết quả nghiên cứu của chúng tôi tương đồng với nghiên cứu của Alwawi AA và cộng sự (2022), khi ghi nhận kiến thức về chăm sóc cuối đời của sinh viên điều dưỡng tại Palestine còn hạn chế và chưa đạt mức kỳ vọng¹. Tương tự, tổng quan nghiên cứu của Durojaiye A và cộng sự (2023) cũng cho thấy sinh viên điều dưỡng ở nhiều quốc gia chưa được trang bị đầy đủ kiến thức và kỹ năng CSGN trong chương trình đào tạo chính quy³. Tại Việt Nam, nghiên cứu của Trần Thị Quỳnh Vân và cộng sự (2024) cũng cho thấy mức điểm kiến thức của sinh viên điều dưỡng năm cuối chỉ ở mức trung bình, chưa đáp ứng đầy đủ yêu cầu thực hành lâm sàng⁴. Nguyên nhân của thực trạng này có thể do nội dung CSGN trong chương trình đào tạo điều dưỡng còn tích hợp rải rác, chưa được xây dựng thành học phần độc lập; thời lượng thực hành lâm sàng chuyên sâu về CSGN còn hạn chế. Ngoài ra, CSGN là lĩnh vực đòi hỏi sự tích hợp kiến thức y học, tâm lý, giao tiếp và đạo đức nghề nghiệp- những nội dung thường chưa được đào tạo một cách hệ thống và thực hành chuyên biệt. Bên cạnh đó, mặc dù Bộ Y tế Việt Nam đã ban hành Hướng dẫn chăm sóc giảm nhẹ² năm 2022, việc chuyển tải nội dung này vào chương trình đào tạo vẫn cần thời gian và sự điều chỉnh đồng bộ giữa các cơ sở đào tạo. Từ kết quả trên, cần tăng cường tích hợp nội dung CSGN trong chương trình đào tạo điều dưỡng, xây dựng học phần chuyên biệt, đồng thời mở rộng cơ hội thực hành lâm sàng tại các đơn vị ung

bướu, hồi sức và chăm sóc cuối đời. Việc áp dụng các phương pháp giảng dạy tích cực như mô phỏng lâm sàng, tình huống giả định hoặc công nghệ mô phỏng giao tiếp như nghiên cứu của Choi H và cộng sự (2023) đề xuất⁶ cũng có thể góp phần cải thiện hiệu quả tiếp thu kiến thức và kỹ năng.

Kết quả phân loại cho thấy chỉ 1,3% sinh viên đạt mức kiến thức tốt, trong khi 41,6% ở mức trung bình và 57,1% ở mức kém. Như vậy, hơn một nửa sinh viên chưa đạt yêu cầu về kiến thức CSGN, phản ánh khoảng trống đáng kể trong đào tạo. Kết quả này phù hợp với nghiên cứu của Trịnh Thị Mỹ và Trịnh Thị Lý (2019), khi ghi nhận điều dưỡng lâm sàng cũng có tỷ lệ kiến thức chưa đạt khá cao⁷. Điều này cho thấy hạn chế kiến thức không chỉ tồn tại ở sinh viên mà còn ở đội ngũ đang hành nghề. Ngoài ra, nghiên cứu của Alwawi AA và cộng sự¹ cũng ghi nhận tỷ lệ sinh viên đạt mức kiến thức cao còn thấp, đặc biệt ở các nội dung kiểm soát triệu chứng và giao tiếp cuối đời. Nguyên nhân có thể xuất phát từ việc sinh viên ít được tiếp xúc trực tiếp với người bệnh giai đoạn cuối trong quá trình thực tập; tâm lý e ngại khi tiếp cận chủ đề tử vong và chăm sóc cuối đời; đồng thời các bệnh không lây nhiễm ngày càng gia tăng¹ làm nhu cầu CSGN lớn hơn nhưng nội dung đào tạo chưa kịp cập nhật tương xứng. Sự thiếu hụt môi trường thực hành chuyên sâu khiến kiến thức mang tính lý thuyết, thiếu tính ứng dụng thực tiễn. Từ đó, các cơ sở đào tạo cần rà soát chương trình học, tăng cường tích hợp nội dung CSGN theo hướng tiếp cận năng lực; tổ chức các khóa đào tạo bổ sung, hội thảo chuyên đề; đồng thời phối hợp với các cơ sở lâm sàng để tạo điều kiện cho sinh viên tham gia chăm sóc thực tế dưới sự hướng dẫn của điều dưỡng có kinh nghiệm. Việc đánh giá định kỳ kiến thức CSGN cũng nên được thực hiện nhằm theo dõi hiệu quả cải tiến chương trình đào tạo.

Kết quả nghiên cứu cho thấy không có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê về điểm kiến thức chăm sóc giảm nhẹ giữa sinh viên năm 3 và năm 4 ($p = 0,410$), cũng như giữa sinh viên nam và nữ ($p = 0,137$). Ngược lại, học lực có ảnh hưởng có ý nghĩa thống kê đến điểm kiến thức ($p = 0,016$), trong đó nhóm sinh viên có học lực xuất sắc đạt điểm cao nhất, còn nhóm học lực trung bình có điểm thấp nhất. Kết quả này tương đồng với nghiên cứu của Trần Trịnh Quốc Việt và cộng sự (2024) ⁵, khi cho thấy sự khác biệt về kiến thức chăm sóc giảm nhẹ giữa các nhóm sinh viên không phụ thuộc đáng kể vào năm học, mà chịu ảnh hưởng nhiều hơn từ năng lực học tập cá nhân. Đồng thời, nghiên cứu của Trịnh Thị My và Trịnh Thị Lý (2019) ⁷ cũng ghi nhận rằng các yếu tố nhân khẩu học như giới tính không có mối liên quan rõ ràng với mức độ kiến thức chăm sóc giảm nhẹ của điều dưỡng. Từ những kết quả trên, nghiên cứu khuyến nghị cần tăng cường các phương pháp giảng dạy phù hợp với nhiều đối tượng sinh viên, đặc biệt chú trọng hỗ trợ nhóm sinh viên có học lực trung bình nhằm nâng cao kiến thức chăm sóc giảm nhẹ. Đồng thời, cần tích hợp nhiều hơn nội dung chăm sóc giảm nhẹ trong chương trình đào tạo lâm sàng để đảm bảo tất cả sinh viên, đều được tiếp cận đầy đủ và hiệu quả với lĩnh vực này. Bên cạnh đó, nên triển khai các hoạt động học tập tích cực như học theo tình huống, mô phỏng lâm sàng để cải thiện sự đồng đều về kiến thức giữa các nhóm sinh viên.

Kết quả phân tích hậu kiểm Tukey cho thấy sinh viên có học lực xuất sắc có điểm kiến thức chăm sóc giảm nhẹ cao hơn có ý nghĩa thống kê so với nhóm học lực giỏi ($p = 0,028$) và nhóm học lực trung bình ($p = 0,014$). Tuy nhiên, không ghi nhận sự khác biệt có ý nghĩa thống kê giữa nhóm xuất sắc với nhóm khá ($p = 0,061$), cũng như giữa các cặp nhóm còn lại ($p > 0,05$). Điều này

cho thấy sự khác biệt về kiến thức chủ yếu tập trung giữa nhóm có học lực cao nhất và nhóm thấp hơn, và mức độ kiến thức không tăng hoàn toàn theo xu hướng tuyến tính giữa các mức học lực. Kết quả này phù hợp với nghiên cứu của Trần Trịnh Quốc Việt và cộng sự (2024) ⁵ nhóm sinh viên có năng lực học tập nổi trội thường có kiến thức chăm sóc giảm nhẹ tốt hơn so với các nhóm còn lại. Tuy nhiên, việc không có sự khác biệt rõ ràng giữa các nhóm giỏi, khá và trung bình cũng tương đồng với nghiên cứu của Trịnh Thị My và Trịnh Thị Lý (2019) ⁷, cho thấy kiến thức chăm sóc giảm nhẹ không chỉ phụ thuộc vào phân loại học lực mà còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều yếu tố khác như trải nghiệm thực hành và khả năng tiếp cận nội dung học tập. Nhóm sinh viên xuất sắc có thể có khả năng tự học tốt hơn, tư duy tổng hợp tốt hơn nên đạt điểm cao hơn rõ rệt. Tuy nhiên, giữa các nhóm còn lại, sự khác biệt về năng lực học tập không đủ lớn để tạo ra sự khác biệt rõ ràng về kiến thức. Ngoài ra, nội dung chăm sóc giảm nhẹ có thể chưa được nhấn mạnh đồng đều trong chương trình đào tạo, dẫn đến sự phân hóa chưa rõ giữa các nhóm.

Kết quả nghiên cứu của chúng tôi cho thấy sinh viên có kinh nghiệm chăm sóc bệnh nhân cuối đời có điểm kiến thức chăm sóc giảm nhẹ cao hơn có ý nghĩa thống kê so với nhóm chưa có kinh nghiệm ($p = 0,003$). Tương tự, sinh viên từng chăm sóc người thân trong giai đoạn cuối đời cũng có điểm kiến thức cao hơn rõ rệt so với nhóm chưa từng trải qua ($p < 0,001$). Kết quả này phù hợp với nghiên cứu của Nguyen DT và Lai WS (2021) ⁸, cho thấy kinh nghiệm thực tế trong chăm sóc bệnh nhân ung thư và giai đoạn cuối đời giúp điều dưỡng nâng cao kiến thức và kỹ năng chăm sóc giảm nhẹ. Đồng thời, một số nghiên cứu trong nước cũng chỉ ra rằng việc tiếp xúc trực tiếp với

người bệnh giúp sinh viên hiểu rõ hơn về nhu cầu chăm sóc giảm nhẹ^{9,10}. Việc trực tiếp chăm sóc bệnh nhân hoặc người thân ở giai đoạn cuối đời giúp sinh viên nhận thức rõ hơn về các vấn đề như kiểm soát triệu chứng, hỗ trợ tâm lý và giao tiếp với người bệnh. Đây là những nội dung khó tiếp cận đầy đủ nếu chỉ học qua lý thuyết. Ngoài ra, trải nghiệm cá nhân còn tạo động lực học tập và sự quan tâm nhiều hơn đến lĩnh vực chăm sóc giảm nhẹ. Vì vậy, cần tăng cường cơ hội cho sinh viên tham gia thực hành lâm sàng liên quan đến chăm sóc giảm nhẹ, đặc biệt là tại các khoa ung bướu hoặc chăm sóc cuối đời. Bên cạnh đó, có thể lồng ghép các hoạt động mô phỏng, học qua tình huống thực tế hoặc chia sẻ kinh nghiệm từ người bệnh và gia đình nhằm giúp sinh viên chưa có trải nghiệm thực tế vẫn có thể nâng cao kiến thức và kỹ năng trong lĩnh vực này.

Hạn chế của nghiên cứu: Nghiên cứu sử dụng thiết kế cắt ngang nên chỉ xác định được mối liên quan mà chưa thể kết luận quan hệ nhân quả. Mẫu nghiên cứu thực hiện tại một trường đại học Nguyễn Tất Thành nên khả năng khái quát hóa còn hạn chế. Dữ liệu thu thập bằng bảng hỏi tự điền có thể gây sai số thông tin và chưa phản ánh đầy đủ năng lực thực hành.

KẾT LUẬN

Nghiên cứu cho thấy kiến thức về chăm sóc giảm nhẹ của sinh viên điều dưỡng còn hạn chế và chưa đồng đều, với điểm trung bình $9,08 \pm 2,48$. Phần lớn sinh viên có mức kiến thức kém (57,1%) và trung bình (41,6%), trong khi tỷ lệ đạt mức tốt rất thấp (1,3%). Kết quả cũng chỉ ra rằng học lực và kinh nghiệm chăm sóc thực tế có liên quan đến mức độ kiến thức, trong khi năm học và giới tính không có mối liên quan có ý nghĩa thống kê. Điều này phản ánh nhu cầu cần cải thiện đào tạo chăm sóc giảm nhẹ trong

chương trình điều dưỡng. Cần tăng cường đào tạo chăm sóc giảm nhẹ theo hướng tích hợp lý thuyết với thực hành và mở rộng cơ hội trải nghiệm lâm sàng cho sinh viên.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Alwawi AA, Abu-Odah H, Bayuo J. Palliative care knowledge and attitudes towards end-of-life care among undergraduate nursing students at Al-Quds University: Implications for Palestinian education. *Int J Environ Res Public Health*. 2022;19(15):9563. doi:10.3390/ijerph19159563
2. Bộ Y tế. Quyết định số 183/QĐ-BYT ngày 25 tháng 01 năm 2022 về việc ban hành tài liệu chuyên môn “Hướng dẫn chăm sóc giảm nhẹ”. Hà Nội: Bộ Y tế; 2022.
3. Durojaiye A, Ryan R, Doody O. Student nurse education and preparation for palliative care: A scoping review. *PLoS One*. 2023;18(7):e0286678. doi:10.1371/journal.pone.0286678
4. Trần T. Q. V., Lê T. C. T., & Vũ T. U. (2024). Kiến thức về chăm sóc giảm nhẹ cho người bệnh cuối đời của sinh viên điều dưỡng năm cuối tại Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh. *Y HỌC TP. HO CHI MINH*, 4, 148–155. <https://doi.org/10.32895/hcjm.m.2024.04.20>
5. Trần Trịnh Quốc Việt, Lê Thị Cẩm Thu, Vũ Thu Uyên. Kiến thức về chăm sóc giảm nhẹ cho người bệnh cuối đời của sinh viên điều dưỡng năm cuối tại Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh. *Y Học TP Hồ Chí Minh*. 2024;28(4):148-155. doi:10.32895/hcjm.m.2024.04.20
6. Choi H, Jeon Y, Lee U, Ahn J, Kim H. Technology-based interactive communication simulation for Korean nurses: A randomized controlled repeated-measures design. *Nurse Educ*

Today. 2023;128:105879. doi:10.1016/j.nedt.2023.105879

7. Trịnh Thị My, Trịnh Thị Lý. Thực trạng kiến thức chăm sóc giảm nhẹ và một số yếu tố liên quan của điều dưỡng Bệnh viện Kiến An – Hải Phòng năm 2018. Tạp chí Khoa học Điều dưỡng. 2019;2(1).

8. Nguyen DT, Lai WS. Difficulties and practices in palliative nursing for cancer patients in Vietnam. J Hosp Palliat Nurs. 2021;23(6):512–519. doi:10.1097/NJH.0000000000000787

9. Phạm Thị Thu Hiền, Vũ Văn Đẩu, Nguyễn Thị Vân Anh. Nhu cầu chăm sóc giảm nhẹ của người bệnh ung thư phổi giai đoạn IV tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh Thái Bình năm 2023. Tạp chí Khoa học Điều dưỡng. 2024;7(5). doi:10.54436/jns.2024.05.800

10. Hoàng Thị Lê, Nguyễn Thị Lan. Khảo sát nhu cầu chăm sóc giảm nhẹ của người bệnh ung thư điều trị nội trú tại khoa Ung bướu Bệnh viện Đa khoa tỉnh Hà Nam năm 2024. Tạp chí Khoa học Điều dưỡng. 2024;7(6). doi:10.54436/jns.2024.06.927